

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-11-2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 69/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1995;

HKTT: Xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình hiện nay chị H1 đang đi lao động tại Nhật Bản.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã S huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chỉ chung sống một thời gian ngắn thì chị H1 đi lao động tại Nhật Bản. Do cuộc sống khó khăn về kinh tế, vợ chồng sống xa nhau nên không hiểu và thông cảm cho nhau. Do công việc bận rộn nên cả hai ít liên lạc rồi không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn chị H1

+Về con chung và tài sản, nợ chung: Vợ chồng anh không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – chị Phạm Thị H1trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị đúng như anh H đã trình bày. Chị H1 nghỉ phép về V làm làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh H sau khi đăng ký kết hôn một thời gian ngắn thì chị H1 quay lại Nhật Bản tiếp tục làm việc. Quá trình chị làm việc ở Nhật Bản, anh H ở Việt Nam, hai bên liên lạc qua điện thoại nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng do vợ chồng không thống nhất quan điểm sống. Nay chị H1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục hôn nhân với anh H nên chị đồng ý ly hôn anh H

+Về con chung và tài sản, nợ chung: Vợ chồng chị không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - anh Nguyễn Hữu H, địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã gửi đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Chị Phạm Thị H1 hộ khẩu thường trú: Xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình là bị đơn. Chị H1có bản tự khai và các văn bản chứng cứ thể hiện chị H1 hiện đang làm việc tại Nhật Bản gửi về Tòa án đều có xác nhận của T do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không tham gia phiên toà theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Phạm Thị Hòa kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Cả anh H và chị H1đều xác định hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không quan tâm đến nhau. Như vậy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên cần xử cho anh H ly hôn chị H1là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Anh H chị H1 đều xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Phạm Thị H1

2. Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh H nộp tại biên lai số 0005727 ngày 11/10/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Anh Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; Chị Phạm Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Lưu HS

Nguyễn Thị Kim Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Thêu Hoàng Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Kim Hằng

